TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 693/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phẹo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 378/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 46 đường Lê Thị Kịa (đường cũ là 702), ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 46 đường Lê Thị Kịa (đường cũ là 702), ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 03/3/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 09, quyển số 01/95 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/1995. Khi mới kết hôn, cuộc sống của ông bà rất hạnh phúc, khi đó bà làm giáo viên còn ông T làm Bí thư xã đoàn của xã T. Sau khi cưới một thời gian, ông bà đã có nhà riêng để ở. Đến năm 1997, thì ông bà có một con chung tên Phạm Hồng Thiên T. Năm 1999, ông T đi hợp tác lao động ở Hàn Quốc, đến năm 2002 thì ông T về nhà. Khi về nhà thì ông T không thích nghi được với môi trường làm việc tại Việt Nam. Ông T có trao đổi với bà là sẽ tiếp tục đi hợp tác lao động ở Nhật nhưng ông T làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động ở Nhật không được. Ông có trao đổi với bà là sẽ tiếp tục làm thủ tục đi Hàn quốc. Đến năm 2007, khi bà đang đi dạy thì ở nhà ông T đã âm thầm đi đâu bà không rõ. Gia đình đã cố gắng tìm cách liên lạc với ông T nhưng không được. Từ đó cho đến nay, ông T đã biệt tích luôn. Bà đã làm thủ tục yêu cầu tuyên bố ông T mất tích ở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi và đã được giải quyết theo Quyết định số 130/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Về con chung: Bà M trình bày giữa ông bà có một con chung tên Phạm Hồng Thiên T, sinh ngày 08/08/1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà M trình bày không có.

* Về phía bị đơn: Đã bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên bố mất tích theo Quyết định số 130/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019. Căn cứ xác nhận của công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ông Phạm Hồng T, sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng từ năm 2010 đến nay ông T đi đâu làm gì không biết, không có mặt tại địa phương. Ông Phạm Hồng T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án, vì vậy không có tài liệu chứng cứ, không có lời khai của ông T. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông T. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các căn cứ của pháp luật để xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Tuyết M vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông Phạm Hồng T, về con chung tên Phạm Hồng Thiên T, sinh ngày 08/08/1997 đã trưởng thành, về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 03/3/2020, bà Trần Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải

quyết cho bà ly hôn với ông Phạm Hồng T. Ông Phạm Hồng T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo Quyết định số 130/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019. Ông T có nơi cư trú cuối cùng tại: Số 46 đường Lê Thị Kịa (đường cũ là 702), ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Hồng T đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hồng T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tuyết M và ông Phạm Hồng T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/95 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/1995. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà Trần Thị Tuyết M thì khi mới kết hôn, cuộc sống của ông bà rất hạnh phúc, khi đó bà làm giáo viên còn ông T làm Bí thư xã đoàn của xã T. Sau khi cưới một thời gian, ông bà đã có nhà riêng để ở. Đến năm 1997, thì ông bà có một con chung tên Phạm Hồng Thiên T. Năm 1999, ông T đi hợp tác lao động ở Hàn Quốc, đến năm 2002 thì ông T về nhà. Khi về nhà thì ông T không thích nghi được với môi trường làm việc tại Việt Nam. Ông T có trao đổi với bà là sẽ tiếp tục đi hợp tác lao động ở Nhật, nhưng ông T làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động ở Nhật không được. Ông có trao đổi với bà là sẽ tiếp tục làm thủ tục đi Hàn quốc. Đến năm 2007, khi bà đang đi dạy thì ở nhà ông T đã âm thầm đi đâu bà không rõ. Gia đình đã cố gắng tìm cách liên lạc với ông T nhưng không được. Từ đó cho đến nay, ông T đã biệt tích luôn.

Căn cứ Quyết định số 130/2019/QĐST-DS ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tuyên bố ông Phạm Hồng T mất tích, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật và đến ngày Tòa án mở phiên tòa ông Phạm Hồng T vẫn vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà Trần Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phạm Hồng T là có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung: Theo giấy Giấy khai sinh số 75, quyển số 01/97 ngày 19/8/1997 thể hiện giữa bà M và ông T có 01 con chung tên Phạm Hồng Thiên T, sinh ngày 08/8/1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà M trình bày không có.

Ông Phạm Hồng T vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết M:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Tuyết M được ly hôn với ông Phạm Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01/95 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/9/1995 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Phạm Hồng Thiên T, sinh ngày 08/8/1997 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Trần Thị Tuyết M trình bày không có.

Nếu ông T có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị Tuyết M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0083732 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Phẹo